

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ- ĐHĐĐ ngày tháng 8 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

- Tên ngành đào tạo: **Dược học (Pharmacy)**
- Mã số: **7720201**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Danh hiệu tốt nghiệp: **Dược sỹ đại học**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy (5 năm)**
- Đơn vị đào tạo: **Khoa Dược, Trường Đại học học Đông Đô**
- **LỜI GIỚI THIỆU**

– Căn cứ Luật giáo dục ngày 14/6/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009;

– Căn cứ nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

– Căn cứ nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

– Căn cứ vào Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung các ngành đào tạo Đại học và Cao đẳng thuộc nhóm ngành Khoa học sức khỏe;

– Căn cứ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

– Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;

– Căn cứ Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng, an ninh;

– Căn cứ Quyết định số 52/2008 /QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận

chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Thông tư số: 09/2010/TT-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ y tế về việc hướng dẫn việc quản lý thuốc;

– Căn cứ thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

– Căn cứ thông tư số 07/2015/TT/BGDĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của Giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình Đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ;

– Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực Dược sỹ trình độ đại học của ngành Y tế trong thời gian trước mắt và lâu dài tại Thủ đô Hà Nội nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc;

– Căn cứ vào khả năng và điều kiện của Trường Đại học Đông Đô, về giảng viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo dược học đại học chính quy, Khoa Dược – Trường Đại học Đông Đô đã dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản có liên quan nhất là dự thảo về chương trình khung đối với khối ngành khoa học sức khỏe của Bộ vào năm 2012, đồng thời tham khảo nhiều chương trình đào tạo Dược sỹ của các trường đại học trong và ngoài nước, cũng như sự đóng góp của các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ của các Đại học Y Dược trong nước. Khoa Dược - Trường Đại học Đông Đô đã hoàn thành xây dựng chương trình đào tạo ngành Dược.

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Dược sỹ trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để cộng tác với Bác sĩ y khoa hướng dẫn người bệnh hoặc nhân dân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### *Về kiến thức*

- Có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở;
- Có kiến thức cơ bản về chuyên môn dược;
- Biết và vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành;

- Hiểu biết về tổ chức y tế, các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

### ***Về kỹ năng***

- Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ dược liên quan đến quản lý, tồn trữ và cung ứng thuốc tại khoa Dược bệnh viện, Công ty cung ứng thuốc và nhà thuốc GPP;

- Triển khai và thực hiện đúng các hướng dẫn về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP); Thực hành tốt nhà thuốc (GPP); Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP); Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)

- Áp dụng và kiểm tra được việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc;

- Có đủ kỹ năng nghề nghiệp để đảm nhiệm được các vị trí dược phân công trong phạm vi chuyên môn tại nhà máy sản xuất thuốc;

- Áp dụng được các biện pháp đảm bảo chất lượng thuốc trong suốt quá trình sản xuất thuốc;

- Áp dụng và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ thuốc;

- Phối hợp được với đồng nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện những nghiệp vụ chuyên môn được giao và hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ trung học về chuyên môn Dược;

- Có khả năng cập nhật các kiến thức về Y Dược học và về các lĩnh vực có liên quan, tham gia nghiên cứu khoa học và tham khảo được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

### ***Về thái độ***

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- coi trọng việc kết hợp dược học hiện đại với dược học cổ truyền;

- Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;

- Trung thực, khách quan, quan tâm đến nghiên cứu khoa học và tự học tập nâng cao trình độ.

**2. Thời gian đào tạo:** 5 năm (10 học kỳ).

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 167 tín chỉ (TC).

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông,

**5. Tổ chức tuyển sinh:** Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

**6.1. Quy trình đào tạo:** Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6.2. Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**a. Thời gian ôn thi và làm khóa luận:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Đối với những sinh viên làm khóa luận dự kiến bắt đầu thực hiện vào học kỳ IX*).

\* Sinh viên có điểm trung bình chung học tập trong suốt 5 năm đại học loại khá trở lên, không nợ học phần nào và không bị kỷ luật trong suốt quá trình học có thể đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng thi tốt nghiệp nhà trường xem xét danh sách sinh viên đủ điều kiện và đồng ý cho thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

\* Số sinh viên còn lại sẽ thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp.

**b. Thời gian thi:** Vào tháng 07 hàng năm

**c. Hình thức thi tốt nghiệp:**

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) cho tất cả sinh viên.

- Thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp gồm 10 tín chỉ cho kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Làm khóa luận tốt nghiệp,

## 7. Thang điểm

**Loại đạt:**

9,0 - 10	Xuất sắc
8,0 - dưới 9,0	Giỏi
7,0 - dưới 8,0	Khá
6,0 - dưới 7,0	Trung bình khá
5,0 - dưới 6,0	Trung bình

**Loại không đạt:**

0 - dưới 5,0

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương

#### 8.1.1. Lý luận chính trị

Stt	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3	3	0	Bắt buộc

2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	2	2	0	Bắt buộc
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Bắt buộc
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	

#### *8.1.2. Khoa học xã hội*

Stt	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Tâm lý-Đạo đức Y học	2	2	0	Bắt buộc
2	Đạo đức hành nghề dược	2	2	0	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	

#### *8.1.3. Ngoại ngữ*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Anh văn 1	2	2	0	Bắt buộc
2	Anh văn 2	3	3	0	Bắt buộc
3	Anh văn chuyên ngành	3	3	0	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	

#### *8.1.4. Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Toán cao cấp & xác suất thống kê	3	2	1 (Xác suất)	Bắt buộc
2	Tin học ứng dụng	2	1	1	Bắt buộc
3	Vật lý đại cương	4	3	1	Bắt buộc

4	Môi trường	2	2	0	Bắt buộc
5	Hóa đại cương vô cơ	3	2	1	Bắt buộc
6	Sinh học đại cương	3	2	1	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	

**8.1.5. Giáo dục thể chất**

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Giáo dục thể chất	3	1	2	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	

### 8.1.6. Giáo dục quốc phòng - an ninh

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	7	3	4	Bắt buộc
2	Y học quân sự	2	2	0	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	

## 8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Hóa sinh	4	3	1	Bắt buộc
2	Hóa hữu cơ	5	3	2	Bắt buộc
3	Hóa phân tích 1	3	2	1	Bắt buộc
4	Hóa phân tích 2	3	2	1	Bắt buộc
5	Giải phẫu	2	2	0	Bắt buộc
6	Sinh lý	3	2	1	Bắt buộc
7	Vi sinh-Kí sinh trùng	3	2	1	Bắt buộc
8	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	0	Bắt buộc
9	Hóa lý dược	3	2	1	Bắt buộc
10	Bệnh học	3	3	0	Bắt buộc
11	Thực vật dược	3	2	1	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>35</b>	<b>26</b>	<b>9</b>	

## 8.2.2. Kiến thức ngành

### 8.2.2.1. Kiến thức ngành (bắt buộc phải có)

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Dược học cổ truyền	3	2	1	Bắt buộc
2	Dược liệu 1	3	2	1	Bắt buộc
3	Dược liệu 2	3	2	1	Bắt buộc
4	Hóa dược 1	3	2	1	Bắt buộc
5	Hóa dược 2	3	2	1	Bắt buộc
6	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	1	Bắt buộc
7	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	1	Bắt buộc
8	Pháp chế dược	3	3	0	Bắt buộc
9	Quản lý và kinh tế dược	2	2	0	Bắt buộc
10	Dược lý 1	2	2	0	Bắt buộc
11	Dược lý 2	3	2	1	Bắt buộc
12	Độc chất học	2	1	1	Bắt buộc
13	Dược lâm sàng 1	2	2	0	Bắt buộc
14	Dược lâm sàng 2	2	1	1	Bắt buộc
15	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	2	1	Bắt buộc
16	Thực hành dược khoa	3	0	3	Bắt buộc
17	Sản xuất thuốc 1	2	2	0	Bắt buộc
18	Tin học dược	2	1	1	Bắt buộc
19	Dược động học	2	2	0	Bắt buộc
<b>Tổng cộng</b>		<b>49</b>	<b>34</b>	<b>15</b>	



8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	1	1	Bắt buộc
2	Marketing và thị trường dược phẩm	2	2	0	Bắt buộc
3	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc (bệnh viện, nhà thuốc, công ty)	3	0	3	Bắt buộc
4	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	3	0	3	Bắt buộc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	

8.2.2.3. Kiến thức bổ trợ của ngành (được lựa chọn 10TC)

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0	Tự chọn
2	Dược cộng đồng	2	2	0	Tự chọn
3	Quản lý dược bệnh viện	2	2	0	Tự chọn
4	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	2	0	Tự chọn
5	Thiết kế phân tử thuốc	2	2	0	Tự chọn
6	Một số phương pháp phân tích bằng quang phổ	2	2	0	Tự chọn
7	Thuốc có nguồn gốc sinh học	2	2	0	Tự chọn
8	Thuốc có nguồn gốc tự nhiên	2	2	0	Tự chọn
9	Bao bì dược phẩm	2	2	0	Tự chọn
10	Độ ổn định của thuốc	2	2	0	Tự chọn
11	Các hệ thống trị liệu mới	2	2	0	Tự chọn
12	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	2	0	Tự chọn
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	

### 8.2.3. Thi tốt nghiệp và làm khóa luận

#### 8.2.3.1. Thi tốt nghiệp tổng hợp

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
1	Khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Môn điều kiện
2	Dược lý	1	1	0	Kiến thức ngành
3	Dược lâm sàng	1	1	0	
4	Bào chế và sinh dược học	2	2	0	
5	Pháp chế dược	1	1	0	
7	Kiểm nghiệm dược phẩm	2	2	0	
8	Sản xuất thuốc	1	1	0	
9	Dược liệu	1	1	0	
10	Hóa dược	1	1	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	

#### 8.2.3.2. Làm Khóa luận tốt nghiệp

- Môn thi (điều kiện tốt nghiệp): Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)
- Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp (10TC)

### 9. Kế hoạch giảng dạy: (dự kiến)

#### 9.1. Tổng hợp kế hoạch đào tạo trong toàn khóa

##### BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRONG TOÀN KHÓA HỌC

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3									
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2		2								

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam			3							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh				2						
5	Đạo đức hành nghề dược								2		
6	Anh văn 1	2									
7	Anh văn 2		3								
8	Anh văn chuyên ngành									3	
9	Toán cao cấp - xác suất thống kê		3								
10	Tin học ứng dụng		2								
11	Vật lý đại cương	4									
12	Môi trường				2						
13	Tâm lý - Đạo đức y học				2						
14	Hóa đại cương vô cơ		3								
15	Sinh học đại cương		3								
16	Giáo dục thể chất (*)	3									
17	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	7									
18	Y học quân sự								2		
19	Hóa sinh					4					
20	Hóa hữu cơ			5							
21	Hóa phân tích 1					3					

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
22	Hóa phân tích 2						3				
23	Giải phẫu			2							
24	Sinh lý				3						
25	Vi sinh- Ký sinh trùng				3						
26	Sinh lý bệnh và miễn dịch				3						
27	Hóa lý dược				3						
28	Bệnh học							3			
29	Thực vật dược			3							
30	Thực hành dược khoa			3							
31	Dược liệu 1					3					
32	Dược liệu 2						3				
33	Dược học cổ truyền							3			
34	Hóa dược 1						3				
35	Hóa dược 2							3			
36	Bào chế và sinh dược học 1						3				
37	Bào chế và sinh dược học 2							3			
38	Pháp chế dược					3					
39	Quản lý và Kinh tế dược							2			
40	Dược động học					2					
41	Dược lý 1						2				

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
42	Dược lý 2							3			
43	Độc chất học					2					
44	Dược lâm sàng 1								2		
45	Dược lâm sàng 2									2	
46	Kiểm nghiệm dược phẩm								3		
47	Sản xuất thuốc								2		
48	Tin học dược						2				
49	Marketing và thị trường dược phẩm									2	
50	Sản xuất thuốc từ dược liệu								2		
51	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc (bệnh viện, nhà thuốc, công ty)								3		
52	Thực hành nghề nghiệp 2 (nhà máy sản xuất thuốc)									3	
53	Kiến thức bổ trợ nghề nghiệp (các học phần tự chọn)									6	4
54	Thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận										12
<b>Tổng cộng</b>		<b>19</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>16</b>

## 9.2. Kế hoạch đào tạo theo năm học/học kỳ

### *Năm thứ 1 - Học kỳ I:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3	3	45	0	0
2	Anh văn 1	2	2	30	0	0
3	Vật lý đại cương	4	3	45	1	30
4	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	60
5	Giáo dục quốc phòng – an ninh	7	3	45	4	120
<b>Tổng cộng</b>		<b>19</b>	<b>12</b>	<b>180</b>	<b>07</b>	<b>210</b>

### *Học kỳ II:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	2	2	30	0	0
2	Anh văn 2	3	3	45	0	0
3	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30
4	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30
5	Hóa đại cương vô cơ	3	2	30	1	30
6	Toán cao cấp- xác suất thống kê	3	2	30	1	30
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>12</b>	<b>180</b>	<b>4</b>	<b>120</b>

**Năm thứ 2 - Học kỳ III:**

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	45	0	0
2	Thực vật dược	3	2	30	1	30
3	Hóa hữu cơ	5	3	45	2	60
4	Giải phẫu	2	1	15	1	30
5	Thực hành dược khoa	3	0	0	3	60+45 thực tế nhà thuốc
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>10</b>	<b>165</b>	<b>8</b>	<b>225</b>

**Học kỳ IV:**

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	2	2	30	0	0
2	Môi trường	2	2	30	0	0
3	Tâm lý – Đạo đức y học	2	2	30	0	0
4	Sinh lý	3	2	30	1	30
5	Hóa lý dược	3	2	30	1	30
6	Vi sinh- Ký sinh trùng	3	2	30	1	30
7	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	45	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>18</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>3</b>	<b>90</b>

*Năm thứ ba - Học kỳ V:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Hóa sinh	4	3	45	1	40
2	Hóa phân tích 1	3	2	30	1	30
3	Dược liệu 1	3	2	30	1	30
4	Dược động học	2	2	30	0	0
5	Độc chất học	2	1	15	1	30
6	Pháp chế dược	3	3	45	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>13</b>	<b>195</b>	<b>4</b>	<b>130</b>

*Học kỳ VI:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Hóa phân tích 2	3	2	30	1	30
2	Dược Liệu 2	3	2	30	1	30
3	Tin học dược	2	1	15	1	30
3	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	30	1	30
5	Hóa dược 1	3	2	30	1	30
6	Dược lý 1	2	2	30	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>5</b>	<b>150</b>



**Năm thứ 4 - Học kỳVII:**

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	<b>Quản lý và kinh tế dược</b>	<b>2</b>	2	30	0	0
4	Dược học cổ truyền	<b>3</b>	2	30	1	30
2	Hóa dược 2	<b>3</b>	2	30	1	30
4	Bệnh học	<b>3</b>	3	45	0	0
5	Dược lý 2	<b>3</b>	2	30	1	30
6	Bào chế và sinh dược học 2	<b>3</b>	2	30	1	30
<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>13</b>	<b>195</b>	<b>4</b>	<b>120</b>

**Học kỳ VIII:**

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kiểm nghiệm dược phẩm	<b>3</b>	2	30	1	30
2	Dược lâm sàng 1	<b>2</b>	2	30	0	0
3	Y học quân sự	<b>2</b>	2	30	0	0
4	Sản xuất thuốc	<b>2</b>	2	30	0	0
5	Đạo đức hành nghề dược	<b>2</b>	2	30	0	0
6	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	1	15	1	30
7	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc (bệnh viện, nhà thuốc, công ty)	<b>3</b>			3 (thực tế BV)	180
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>5</b>	<b>240</b>

*Năm thứ 5 - Học kỳ IX:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Dược lâm sàng 2	2	1	15	1	30
2	Anh văn chuyên ngành	3	3	45	0	0
3	Marketing và thị trường dược phẩm	2	2	30	0	0
4	Thực hành nghề nghiệp 2 (nhà máy sản xuất thuốc)	3			3 (thực tế)	180
5	Kiến thức bổ trợ (Các học phần tự chọn)	6	6	90		
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>12</b>	<b>180</b>	<b>4</b>	<b>210</b>

*Học kỳ X:*

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kiến thức bổ trợ (các học phần tự chọn)	4	4	60		
2	Thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận	12	12			
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>16</b>			

## **10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

### **10.1. Chương trình:**

- Chương trình chi tiết đào tạo Dược sỹ đại học hệ chính quy gồm **167** tín chỉ, trong đó có 51 tín chỉ giáo dục đại cương, 94 tín chỉ giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn, 12 tín chỉ thi tốt nghiệp. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

- Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Đông Đô chỉ đạo khoa Dược phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng kiến thức đã quy định.

- Phần nội dung chương trình tự chọn: Phần nội dung chương trình tự chọn tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ 10 tín chỉ theo quy định. Trên cơ sở các tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn đã được phê duyệt, Khoa Dược biên soạn chương trình chi tiết từng môn học và trình Hiệu trưởng ban hành để thực hiện.

### **10.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:**

Khoa Dược sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành Dược. Phòng Đào tạo và khoa Dược sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

### **10.3. Thực tập, thực tế chuyên môn theo chuyên ngành:**

- Thực tập: tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, tùy theo học phần, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc môn học là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

- Học tập thực tế theo định hướng chuyên ngành vào học kỳ IX (năm thứ năm) sau khi sinh viên đã học xong các môn cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan.

### **10.4. Phương pháp dạy và học:**

- Coi trọng việc tự học của sinh viên.
- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, dạy và học theo phương pháp tích cực.
- Đảm bảo đủ sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên.
- Tổ chức kiểm tra sau mỗi buổi thực tập tại phòng thí nghiệm. Đối với học tập thực tế tại các cơ sở dược, phân công giảng viên của bộ môn kết hợp với giảng viên kiêm nhiệm tại chỗ để giám sát việc học tập của sinh viên. Tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi đợt thực tế.

### **10.4. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Nghiên cứu trước giáo trình tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ các giờ học trong lớp.
- Hoàn thành các bài tập đúng thời gian quy định.
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.
- Tham gia đầy đủ các lần kiểm tra tự học và thi kết thúc học phần.

### **10.5. Kiểm tra, thi:**

- Sau mỗi học phần, sinh viên sẽ được tổ chức đánh giá kết thúc học phần.

- Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm từ 0 đến 10.
- Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khóa học được tính theo công thức đã quy định.
- Xếp loại kết quả học tập theo quy định chung.